



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

**CÔNG TY ĐẠI CHÚNG  
CHƯA NIÊM YẾT/CHƯA ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

Ban hành 20/10/2021

## MỤC LỤC

<b>Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Các chữ viết tắt .....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	5
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	6
<b>Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>7</b>
Điều 7. Lưu đồ thực hiện .....	7
Điều 8. Nội dung, người và thời hạn thực hiện công bố thông tin .....	9
<b>Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....</b>	<b>9</b>
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa Người công bố thông tin và các Phòng, Ban công ty	9
Điều 10. Xử lý vi phạm .....	9
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm .....	9
Điều 12. Triển khai thực hiện.....	9
<b>PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT ĐỐI VỚI CÔNG TY.....</b>	<b>11</b>
PHỤ LỤC 1.1 : PHÒNG HÀNH CHÍNH – KẾ TOÁN.....	10
PHỤ LỤC 1.2 : BAN GIÁM ĐỐC .....	10
PHỤ LỤC 1.3 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	13
<b>PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>16</b>
<b>PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU .....</b>	<b>19</b>

### **Căn cứ pháp lý:**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## **Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Chíp Sáng (“**Công ty**”) trên thị trường chứng khoán Việt Nam và việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- Công ty, cụ thể là các Phòng, Ban có liên quan của Công ty (“**Các Phòng, Ban**”)
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin (“**Nhà đầu tư**”), bao gồm:
  - Người nội bộ của Công ty Người có liên quan của người nội bộ, theo định nghĩa của Luật Chứng khoán hiện hành;
  - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
  - Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty;
  - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
  - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty
  - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty

### **Điều 2. Các chữ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Chíp Sáng
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
- VSD : Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- ° TGD : Tổng Giám đốc.
- KTT : Kế toán trưởng.
- BCTC : Báo cáo tài chính.

- CĐL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- NY : Niêm yết
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

2. *Người nội bộ của công ty* là:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin

2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại **Điều 5 Quy chế này**.

3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN hoặc ngày UBCKNN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

### **Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua đại diện theo pháp luật của Công ty (hoặc một cá nhân là người được Công ty ủy quyền công bố thông tin của Công ty). Trong trường hợp người thực hiện công bố thông tin không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người công bố thông tin công bố)

a). Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà người thực hiện công bố thông tin (sau đây gọi tắt là "**Người công bố thông tin**") vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người công bố thông tin cho Ủy ban Chứng

khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định hoặc thay đổi Người công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về Người công bố thông tin thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho một tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc một cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện công khai thông tin.
6. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Người công bố thông tin như quy định tại Điều 4 Quy chế này thực hiện. Việc công bố thông tin do Người công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại các Điều 7 và 8 Quy chế này
7. Công ty và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:
  - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
  - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

**Điều 6. Phương tiện công bố thông tin**

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
4		Báo in, Báo điện tử, v.v...

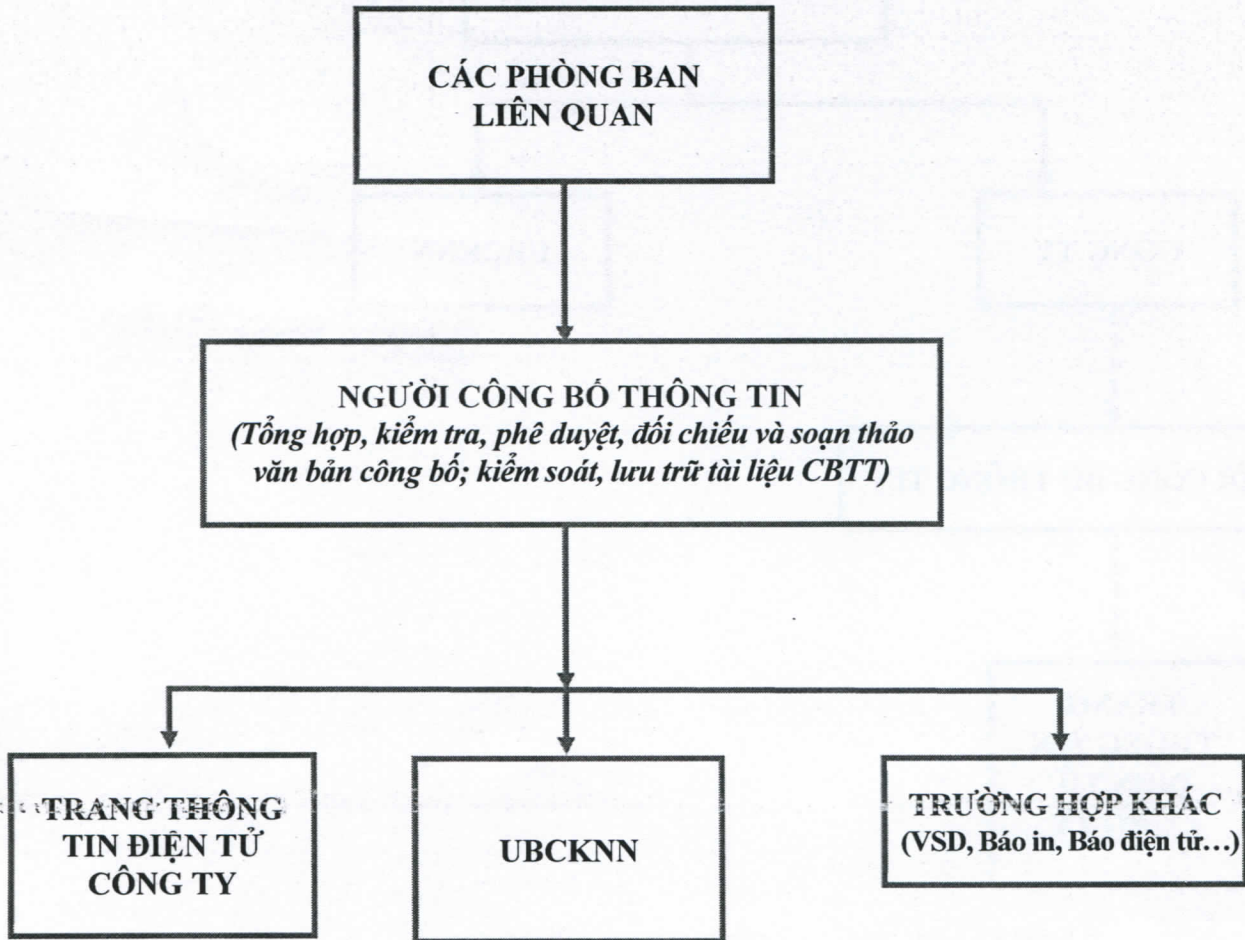
**(\*) Lưu ý:**

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

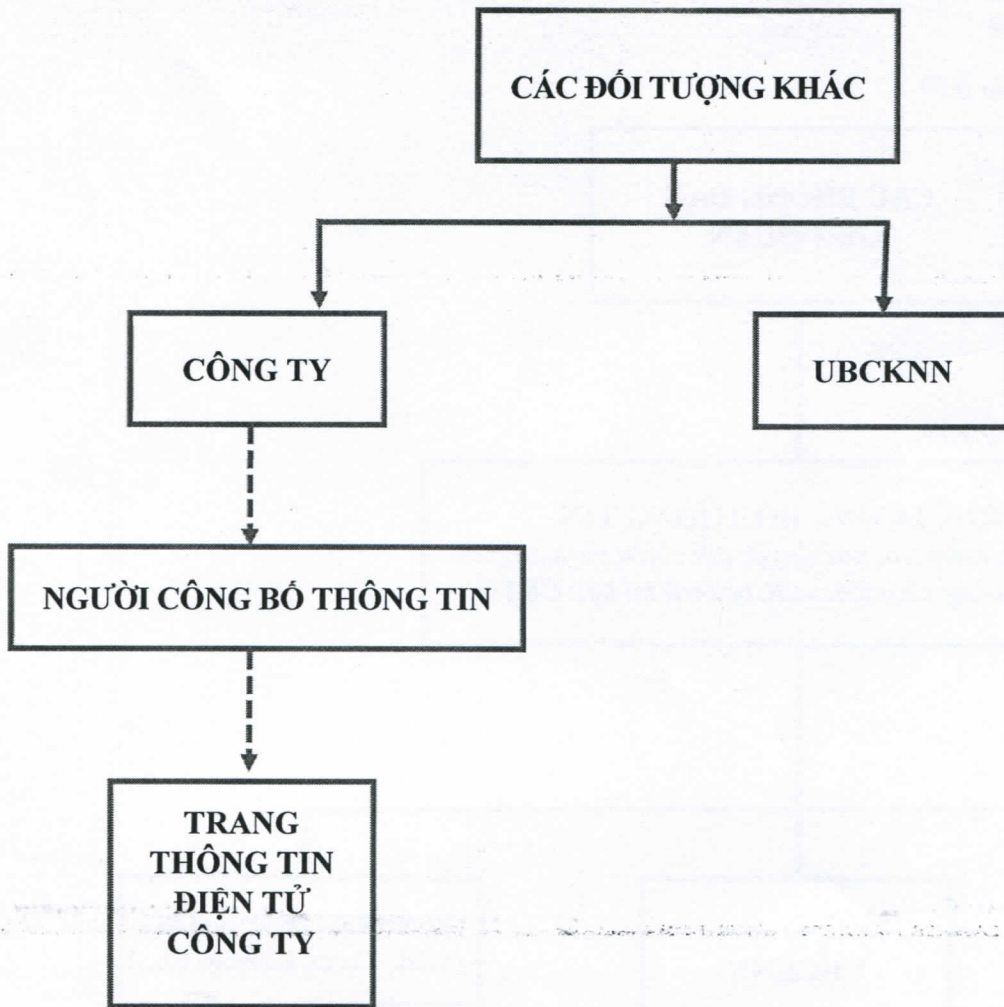
## Chương II: LƯU ĐỒ THỰC HIỆN VÀ NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 7. Lưu đồ thực hiện

Áp dụng đối với các Phòng, Ban



## 1. Áp dụng đối với Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin



**Ghi chú:** ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN & SỞ GD&ĐT

- - - -> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(\*\*) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.



## **Điều 8. Nội dung, người thực hiện và thời hạn công bố thông tin**

1. Các Đối tượng áp dụng của Quy chế này thực hiện CBTT theo hướng dẫn trong từng Phụ lục cụ thể kèm theo Quy chế này:

## **Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa Người công bố thông tin và các Phòng, Ban công ty**

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người công bố thông tin.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các Phòng, Ban có liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Người công bố thông tin trong vòng 08 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

### **Điều 10. Xử lý vi phạm**

1. Các Phòng, Ban có liên quan của Công ty có hành vi vi phạm Quy chế này và pháp luật về công bố thông tin của Công ty thì, trước hết, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật nội bộ Công ty theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc của Hội đồng quản trị Công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Công ty sẽ yêu cầu người vi phạm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin và Người công bố thông tin có hành vi vi phạm Quy chế này và pháp luật về công bố thông tin của Công ty thì, trước hết, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý nội bộ Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Công ty sẽ yêu cầu người vi phạm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

1. Đối với vi phạm của Phòng, Ban có liên quan, thẩm quyền xử lý vi phạm nội bộ thuộc về Tổng Giám đốc Công ty. Trong trường hợp cần thiết, do tính chất nghiêm trọng của vi phạm, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Công ty để xử lý.
2. Đối với vi phạm của Đối tượng công bố thông tin và Người công bố thông tin, thẩm quyền xử lý vi phạm nội bộ thuộc về Hội đồng quản trị Công ty.

### **Điều 12. Triển khai thực hiện**

1. Các Đối tượng áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này hoặc có quy định nhưng không phù hợp với pháp luật hiện hành về công bố thông tin của công ty đại chúng sẽ được thực hiện hoặc điều chỉnh theo pháp luật hiện hành về công bố thông tin của công ty đại chúng.
3. Các Phụ lục đính kèm Quy chế này là phần không tách rời của Quy chế này.

4. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định.

**Nơi nhận:**

- Lưu VPCT.
- BKS
- HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH**  
*Phạm Ngọc Tuấn*  
**PHẠM NGỌC TUẤN**

## PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT ĐỐI VỚI CÔNG TY

### PHỤ LỤC 1.1: PHÒNG HÀNH CHÍNH – KẾ TOÁN

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo qui định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b>				
	<b>I. Báo cáo tài chính</b>			P. Hành chính – Kế toán	
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá <b>90 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn <b>08 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá <b>85 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính.		

### PHỤ LỤC 1.2: BAN GIÁM ĐỐC

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo qui định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú (Bộ phận hỗ trợ)
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b>					
	<b>I. Báo cáo thường niên</b>				
1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 18 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 105 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính		P. Hành chính – Kế toán
	<b>II. Báo cáo tình hình quản trị công ty</b>				
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất <b>30 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc <b>06 tháng</b> đầu năm dương lịch	Trong thời hạn <b>28 ngày</b> kể từ ngày kết thúc <b>06 tháng</b> đầu năm dương lịch		P. Hành chính – Kế toán
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất <b>30 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Trong thời hạn <b>28 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm dương lịch		P. Hành chính – Kế toán
	<b>III. Đại Hội Đồng Cổ Đông</b>				
4	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời hạn <b>18 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng		P. Hành chính – Kế toán
5	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất <b>21 ngày</b> trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không qui định thời hạn khác dài hơn)	Trong thời hạn <b>20 ngày</b> trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ		P. Hành chính – Kế toán
6	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội. <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn <b>12 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ		P. Hành chính – Kế toán
	<b>IV. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>				

7	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời hạn <b>18 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng		P. Hành chính – Kế toán
8	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Trong thời hạn <b>08 ngày</b> trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến		P. Hành chính – Kế toán
9	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong thời hạn <b>12 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông.		P. Hành chính – Kế toán
	<b>V. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu</b>				
10	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Trong thời hạn 18 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến		P. Hành chính – Kế toán
		Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Trong thời hạn 08 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến		P. Hành chính – Kế toán
11	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất là 04 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng		P. Hành chính – Kế toán
	<b>VI. CBTT Về Các Hoạt Động Khác</b>				
12	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán			P. Hành chính – Kế toán
13	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam			P. Hành chính – Kế toán
14	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ			P. Hành chính – Kế toán
15	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán			P. Hành chính – Kế toán

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

16	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		
17	'Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		
18	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
19	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
20	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
21	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
22	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
23	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
24	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
25	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
26	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán
27	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		P. Hành chính – Kế toán

**PHỤ LỤC 1.3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo qui định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú (Bộ phận hỗ trợ)
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>					
1	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
2	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
3	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
4	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
5	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
6	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
7	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
8	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
10	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty

	người có liên quan của công ty đại chúng;				
11	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:				Người quản trị công ty
12	Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
13	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
14	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
15	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
16	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
17	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
18	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật* của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty

19	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
20	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
21	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
22	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
23	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không qua 85 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.		Người quản trị công ty
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU</b>					
24	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:				
25	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty
26	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ		Người quản trị công ty

## **PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty**

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN theo mẫu quy định tại **Mẫu 06 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho công ty, UBCKNN theo **Mẫu 07 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.



*Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do CÔNG TY mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.*

*Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

## **2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ**

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho công ty, UBCKNN khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN và CÔNG TY về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu ) theo **Mẫu 08 – NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ UBCKNN (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).










*Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN và công ty về kết quả giao dịch theo **Mẫu 09 – NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

### **3. Ghi chú**

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN và CÔNG TY trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.
- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB .

### PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định số 02/QĐ-VSD năm 2020)
6	Mẫu 06 - CDL	 Mau 06 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
7	Mẫu 07 - CDL	 Mau 07 -CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
8	Mẫu 08 - NNB	 Mau 08 -NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
9	Mẫu 09 - NNB	 Mau 09 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và nNgười có liên quan của Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)